

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 5976 /CT - TTHT
V/v Trả lời câu hỏi
đổi thoại doanh nghiệp


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2018

ĐẾN	Số: <u>1029</u>
	Ngày: <u>22-06-2018</u>
	Chuyển: <u>22-06-2018</u>
	Lưu: <u></u>

Kính gửi: Trung Tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh

Vừa qua Cục Thuế thành phố có nhận được một số nội dung trao đổi liên quan việc quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản do quý Trung tâm gửi.

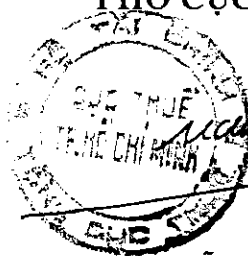
Căn cứ Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và các văn bản liên quan, Cục Thuế kính gửi Trung tâm các ý kiến trao đổi của Cục Thuế (đính kèm).

Cục Thuế TP thông báo quý Trung tâm và Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản biết để thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: VT, TTHT.
- 2018-pdhoa

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Nam Bình

Tổng hợp câu hỏi Doanh nghiệp Nhật Bản gửi hội nghị đối thoại với Cục Thuế Tp.HCM ngày 11/05/2018

Câu 1:

Trường hợp người nộp thuế là công ty con của nhiều công ty mẹ tối cao thuộc các tập đoàn đa quốc gia khác nhau thì người nộp thuế phải lưu Hồ sơ toàn cầu và Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của tập đoàn nào trong các trường hợp sau:

1. Tỷ lệ góp vốn là 50%:50% và báo cáo tài chính của người nộp thuế không được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của bất kỳ tập đoàn nào, các tập đoàn chỉ sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để ghi nhận khoản đầu tư vào người nộp thuế
2. Tỷ lệ góp vốn là 35%:25%:25%:15% và báo cáo tài chính của người nộp thuế không được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của bất kỳ tập đoàn nào.

Do phần vốn góp rất nhỏ, các tập đoàn không sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để ghi nhận khoản đầu tư vào người nộp thuế mà chỉ ghi nhận cổ tức nhận được (nếu có).

Ghi chú: theo quy định của Nhật Bản, nếu vốn đầu tư vào người nộp thuế chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng tài sản của toàn tập đoàn thì tập đoàn có thể chỉ ghi nhận cổ tức nhận được (nếu có) từ khoản đầu tư này mà không hợp nhất báo cáo tài chính cũng như không sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để ghi nhận khoản đầu tư, dù tỷ lệ góp vốn của tập đoàn vào người nộp thuế có thể chiếm trên 50%.

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2, Điều 4, TT 41/2017/TT-BTC của BTC:

“2. Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế bao gồm:

b) Hồ sơ toàn cầu là các thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn đa quốc gia, chính sách và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết của tập đoàn trên toàn cầu và chính sách phân bổ thu nhập và phân bổ các hoạt động, chức năng trong chuỗi giá trị của tập đoàn theo danh mục các nội dung thông tin, tài liệu quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.

Người nộp thuế lập và cung cấp Hồ sơ toàn cầu của tập đoàn đa quốc gia nơi hợp nhất báo cáo tài chính của người nộp thuế tại Việt Nam theo quy định về chế độ kế toán. Trường hợp người nộp thuế là công ty con của nhiều công ty mẹ thuộc các tập đoàn đa quốc gia khác nhau và báo cáo tài chính của người nộp thuế được hợp nhất vào nhiều tập đoàn thì người nộp thuế cung cấp Hồ sơ toàn cầu của tất cả các tập đoàn này.

c)Trường hợp người nộp thuế là công ty con của nhiều công ty mẹ tối cao thuộc các tập đoàn đa quốc gia khác nhau và báo cáo tài chính của người nộp thuế

được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhiều tập đoàn thì người nộp thuế lưu bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của tất cả các công ty mẹ tối cao.

Trường hợp người nộp thuế không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao, người nộp thuế giải thích lý do bằng văn bản kèm theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

Như vậy, trường hợp đã xác định Người nộp thuế là Công ty con của nhiều Công ty mẹ tối cao theo quy định tại Khoản 10, Điều 4 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP thì Người nộp thuế phải lưu giữ hồ sơ toàn cầu và Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định.

Câu 2:

Nếu có phát sinh chi phí lãi vay với Bên liên kết, chi phí lãi vay được trừ không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế (EBITDA). Trường hợp nếu $EBITDA < 0$, chi phí lãi vay sẽ bị loại trừ toàn bộ.

Quy định này khi áp dụng chưa công bằng giữa:

- i) công ty có 100% nợ vay từ Bên độc lập

Trả lời:

Xin nói lại cho rõ, đó là trước tiên cần xác định DN không có GDLK chứ không phải DN 100% nợ vay từ Bên độc lập, bởi vì nếu đã có GDLK thì vay 100% từ Bên độc lập vẫn bị khống chế 20%.

- ii) công ty có khoản nợ vay không lớn với Bên liên kết

do mục i) công ty có nợ vay từ Bên độc lập được quyền khấu trừ hết chi phí lãi vay cho tất cả các trường hợp, trong khi mục ii) việc khấu trừ bị giới hạn mức trần.

<Câu hỏi>

Xin hỏi Bộ Tài Chính đã có ý định soát xét đề hiệu chỉnh qui định này?

Trả lời:

- Theo tôi được biết xu hướng sắp tới dự kiến Bộ Tài chính đề nghị sửa Luật theo hướng khống chế lãi vay nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nước và FDI.

Câu 3:

Ở Nhật Bản, chỉ Tập Đoàn có doanh thu hợp nhất lớn hơn 100 tỷ Yên (tương đương 20.000 tỷ đồng Việt nam) mới yêu cầu phải nộp hồ sơ toàn cầu và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia cho Cơ quan Thuế Nhật Bản, có nghĩa là trường hợp doanh thu hợp nhất ở dưới mức qui định này thì không yêu cầu phải nộp hồ sơ toàn cầu và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia.

3.1 Nếu công ty mẹ không yêu cầu phải lập hồ sơ toàn cầu và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, thì công ty ở Việt Nam có thể được miễn chuẩn bị và nộp hồ sơ, báo cáo này không?

Trả lời:

Nghị định 20/2017/NĐ-CP hiện hành không quy định miễn lập hồ sơ trong trường hợp này.

3.2 Cơ quan Thuế Việt Nam có kênh nào để trao đổi thông tin về hồ sơ toàn cầu và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia với Cơ quan Thuế Nhật Bản chưa ?

Việc này sẽ loại bỏ được trở ngại lớn cho công ty Việt nam và cắt giảm nhiều thời gian cho việc thu thập những thông tin này.

Trả lời:

Chúng tôi ghi nhận ý kiến này để báo cáo Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.

Câu 4:

Có 3 nhà đầu tư nước ngoài (công ty A, công ty B và công ty C) có vốn góp trong công ty Z ở Việt Nam. Cả 3 công ty này không báo cáo hợp nhất vào bất kỳ công ty toàn cầu nào. Công ty A có 60% cổ phần trong công ty Z, Công ty B có 30% cổ phần và công ty C có 10% cổ phần.

<Câu hỏi: Theo Nghị Định 20, công ty nào là công ty mẹ tối cao?>

4.1 Công ty Z có cần phải chuẩn bị báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của công ty A, công ty B, hay công ty C ? (Theo chúng tôi hiểu thì “công ty Z không yêu cầu phải chuẩn bị bất kỳ báo cáo lợi nhuận liên quốc gia nào”).

4.2 Nếu trả lời của câu hỏi 3.1 ở trên là “không”, thì công ty Z có yêu cầu phải nộp Mẫu số 04 không ?

4.3 Công ty Z có cần phải chuẩn bị hồ sơ toàn cầu của công ty A, công ty B hay công ty C không ? (Theo chúng tôi hiểu thì “công ty Z chỉ yêu cầu chuẩn bị hồ sơ toàn cầu của công ty A”).

4.4 Trường hợp công ty A không bị yêu cầu và không phải lập hồ sơ toàn cầu và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo qui định của quốc gia của họ, thì công ty Z có cần phải chuẩn bị hồ sơ toàn cầu của công ty A không?

4.5 Trường hợp công ty B sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để báo cáo hợp nhất kết quả kinh doanh của công ty Z, thì công ty Z có cần phải chuẩn bị hồ sơ toàn cầu của công ty B?

4.6 Công ty Z có yêu cầu phải chuẩn bị hồ sơ toàn cầu của công ty A?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 10, Điều 4 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP và điểm 2c, Điều 4, TT 41/2017/TT-BTC, trường hợp A,B,C là Tập đoàn đa quốc gia thì A,B,C là Cty Mẹ tối cao và Công ty Z cần chuẩn bị hồ sơ toàn cầu theo quy định.

Câu 5:

Có 3 nhà đầu tư nước ngoài (công ty A, công ty B và công ty C) có vốn góp trong công ty Z ở Việt Nam. Cả 3 công ty này không báo cáo hợp nhất vào bất kỳ công ty toàn cầu nào. Công ty A có 40% cổ phần trong công ty Z, Công ty B có 30% cổ phần và công ty C có 30% cổ phần.

<Câu hỏi: Theo Nghị Định 20, công ty nào là công ty mẹ tối cao?>

5.1 Công ty Z có cần phải chuẩn bị báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của công ty A, công ty B, hay công ty C? (Theo chúng tôi hiểu thì “công ty Z không yêu cầu phải chuẩn bị bất kỳ báo cáo lợi nhuận liên quốc gia nào”)

5.2 Nếu trả lời của câu hỏi 4.1 ở trên là “không”, thì công ty Z có yêu cầu phải nộp Mẫu số 04 không?

5.3 Công ty Z có yêu cầu phải chuẩn bị hồ sơ toàn cầu của công ty A, công ty B hay công ty C không? (Theo chúng tôi hiểu thì “công ty Z không cần chuẩn bị bất kỳ hồ sơ toàn cầu nào, do báo cáo tài chính của công ty Z không báo cáo hợp nhất vào bất kỳ công ty nào”).

Trả lời:

Theo khoản 2c, Điều 4, Thông tư số 41/2017/TT-BTC có nêu:

“2c) Bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài của người nộp thuế được lập theo quy định của pháp luật nước sở tại.

Trường hợp người nộp thuế là công ty con của nhiều công ty mẹ tối cao thuộc các tập đoàn đa quốc gia khác nhau và báo cáo tài chính của người nộp thuế được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhiều tập đoàn thì người nộp thuế lưu bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của tất cả các công ty mẹ tối cao”.

Cho nên, trường hợp A,B,C là tập đoàn đa quốc gia và báo cáo tài chính của Z được hợp nhất vào A,B,C thì Z phải lưu sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của A,B,C.

Câu 6:

- Đề nghị giải thích ý nghĩa của trường hợp được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

Trả lời:

Nhằm mục đích đơn giản hóa thủ tục kê khai cho người nộp thuế.

- Doanh nghiệp khi lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết cần phải trả phí mua Cơ sở dữ liệu không? Hoặc có thể nhận dữ liệu đáng tin cậy từ nguồn nào?

Trả lời:

Cơ sở dữ liệu khi lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết được quy định cụ thể tại Điều 9 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP:

1. Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu do các tổ chức kinh doanh thông tin cung cấp, bao gồm thông tin tài chính và dữ liệu của doanh nghiệp do các tổ chức này thu thập từ các nguồn thông tin công khai và lưu giữ, cập nhật, quản lý sử dụng (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu thương mại);

b) Thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp được công bố công khai trên thị trường chứng khoán;

c) Thông tin, dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế;

d) Thông tin do các cơ quan Bộ, ngành trong nước công bố công khai hoặc các nguồn chính thức khác.

Câu 7:

1. Xin hỏi về kế hoạch kiểm tra thuế chuyển giá trong năm nay.

Trả lời:

Năm 2018 việc thanh kiểm tra các DN vẫn bình thường như các năm trước đây. Tuy nhiên đối với các DN- GDLK niên độ tài chính 2017 sẽ phải thực hiện thanh tra theo các quy định tại NĐ 20 và TT 41.

2. Tại sao có sự khác nhau về điều kiện miễn lập Hồ sơ toàn cầu giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Trả lời:

Do Luật pháp, điều kiện kinh tế, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và Nhật Bản không giống nhau.

3. Công ty mẹ và công ty con tại Việt Nam không thống nhất tháng quyết toán. Như vậy, thời hạn lập hồ sơ chuyển giá căn cứ theo thời gian quyết toán của công ty mẹ được không?

Trả lời:

Thông thường các Cty con tại Việt Nam thường có cùng niên độ tài chính với Cty Mẹ tại nước ngoài.

Tuy nhiên nếu niên độ khác nhau thì: Theo khoản 2c, Điều 4, TT 41:

“.....Trường hợp người nộp thuế không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao cho kỳ tính thuế tương ứng với kỳ quyết toán thuế của người nộp thuế, người nộp thuế phải cung cấp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao của năm tài chính liền kề trước kỳ tính thuế của người nộp thuế và giải thích lý do bằng văn bản kèm theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế”.